

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 09 năm 2021

Quang Ninh, 23rd September 2021

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

V/v mời chào giá cạnh tranh gói thầu: “Quan trắc định môi trường định kỳ hàng quý cho Dự án Cảng Công ten nơ Quốc tế Cái Lân”

Invitation to tender for “Quarterly environmental monitoring for the Project of Cai Lan International Container Terminal ”

Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân tổ chức mua sắm gói thầu: “Quan trắc định môi trường định kỳ hàng quý cho Dự án Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân ” theo hình thức chào hàng cạnh tranh.

Cai Lan International Container Terminal LLC shall organize competitive tender for the package: “Quarterly environmental monitoring for the Project of Cai Lan International Container Terminal”.

Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân kính mời các nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm cung cấp tham gia chào giá gói thầu trên (chi tiết theo Phụ lục I và II đính kèm).

Cai Lan International Container Terminal LLC would like to invite qualified and experienced suppliers to participate in bidding on this package (detailed information as attached Annex I and II).

Hồ sơ chào giá cạnh tranh bao gồm 01 bộ hồ sơ được niêm phong kín theo quy định của đơn vị cung cấp, bao gồm:

Competitive bid document shall be sealed, including:

- Bản sao đăng ký kinh doanh

Business Registration: 1 copy

- Bản báo giá được ký tên, đóng dấu

Signed and stamped quotation

- Hồ sơ năng lực

The company's profile

Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp được gửi trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện chậm nhất trước ngày 29/09/2021 đến địa chỉ:

Bid documents shall be sent directly or by post to the following address before 29th September 2021:

Phòng Kế toán

Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân

Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Người liên hệ: Mr. Tâm/ 0965489292 hoặc Ms. Huyền/ 0978081806

Accounting & Finance Department

Cai Lan International Container Terminal LLC

No. 1 Cai Lan Street, Bai Chay Ward, Halong City, Quang Ninh province

Contact: Mr. Tâm/ 0965489292 or Ms. Huyền/ 0978081806

Trân trọng cảm ơn!

Sincerely thank you!

Phụ lục I: PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI HÀNG HÓA

Annex I: SCOPE OF WORKS AND REQUIREMENTS

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Section 1. Scope of works

- Thực hiện quan trắc định kỳ đối với các thông số về môi trường được quy định trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép xả thải của Dự án xây dựng và vận hành Bến 2, 3 và 4 – Cảng Công ten nơ quốc tế Cái Lân.

Carrying out periodic monitoring for environmental parameters specified in environmental impact assessment reports and discharge permits of the Project of Construction and Operation of Berths 2, 3 and 4 – Cai Lan International Container Terminal.

- Tần suất thực hiện: Hàng quý.

Frequency of implementation: Quarterly

- Thời gian thực hiện: Tháng cuối cùng của mỗi quý.

Implementation period: Last month of each quarter.

- Địa điểm lấy mẫu quan trắc: Tại hiện trường Dự án tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Location of sampling and monitoring: At the project site at No. 1, Cai Lan Street, Bai Chay Ward, City. Ha Long, Quang Ninh Province.

- Phân tích mẫu và lập báo cáo tại trụ sở của Nhà cung cấp.

Analyzing samples and making reports at the supplier's headquarters

- Nộp bản cứng/file mềm của báo cáo quan trắc về trụ sở của Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân/ qua email của người phụ trách.

Submit the hard copy/ software of the monitoring report to the head office of Cai Lan International Container Terminal Co., Ltd./ to email of the person in charge.

Mục 2. Thời hạn thực hiện hợp đồng, hình thức hợp đồng và điều kiện thanh toán

Section 2. Execution time, Form of Contract and Payment terms

- Hợp đồng có giá trị trong vòng 2 năm tương ứng 8 kỳ quan trắc

The contract is valid for 2 years, corresponding to 8 monitoring periods:

+ Kỳ 1: Quý 3/2021/ *Period 1: Quarter 3/2021*

+ Kỳ 2: Quý 4/2021/ *Period 2: Quarter 4/2021*

+ Kỳ 3: Quý 1/2022/ *Period 3: Quarter 1/2022*

+ Kỳ 4: Quý 2/2022/ *Period 4: Quarter 2/2022*

+ Kỳ 5: Quý 3/2022/ *Period 5: Quarter 3/2022*

+ Kỳ 6: Quý 4/2022/ *Period 6: Quarter 4/2022*

+ Kỳ 7: Quý 1/2023/ *Period 7: Quarter 1/2023*

+ Kỳ 8: Quý 2/2023/ *Period 8: Quarter 2/2023*

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá

Form of contract: Lumpsum contract, no price adjustment

- Điều kiện thanh toán: Bên sử dụng dịch vụ sẽ thanh toán 100% số tiền tương ứng với khối lượng thực hiện công việc của mỗi Kỳ quan trắc định kỳ hàng quý cho nhà cung cấp trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:

Payment terms: The service user will pay 100% of the amount corresponding to the work volume of each quarterly monitoring period to the supplier within 15 days from the date of receipt of full payment document including:

- + Hóa đơn tài chính/ *Valid invoice*
- + Đề nghị thanh toán/ *Payment request*
- + Biên bản lấy mẫu hiện trường/ *Sampling record at site*
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc/ *Work volume acceptance minutes*
- + Biên bản nghiệm thu thanh toán/ *Payment minutes*
- + Báo cáo (bản cứng đóng dấu và bản mềm)/ *Report (hard copies and soft copies)*

**PHỤ LỤC 2: CÁC THÔNG SỐ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ
HÀNG QUÝ TẠI CICT**

**APPENDIX 2: QUARTERLY ENVIRONMENTAL MONITORING
PARAMETERS AT CICT**

TT Seq.	Nội dung <i>Parameter</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Số mẫu/lần <i>Number of samples/quarter</i>	Tần suất (số lần/năm) <i>Frequency (quarter per year)</i>	Tổng số mẫu/năm <i>Total sample per year</i>	Ghi chú/ <i>Remark</i>
I	Phân tích nước biển ven bờ					
1	Nhiệt độ	Mẫu/sample	9	4	36	Lấy mẫu tại 3 điểm (thượng nguồn, hạ nguồn và 1 điểm tại khu vực cảng, mỗi điểm lấy ở 3 độ sâu khác nhau. Thực hiện 4 lần/năm <i>"Sampling at 3 points (upstream, downstream and 1 point in the port area, each point samples are taken at 3 different depths. Performed 4 times/year"</i>
2	Độ muối	Mẫu/sample	9	4	36	
3	Độ đục	Mẫu/sample	9	4	36	
4	pH	Mẫu/sample	9	4	36	
5	DO	Mẫu/sample	9	4	36	
6	TSS	Mẫu/sample	9	4	36	
7	COD	Mẫu/sample	9	4	36	
8	BOD5	Mẫu/sample	9	4	36	
9	Tổng N	Mẫu/sample	9	4	36	
10	Tổng P	Mẫu/sample	9	4	36	
11	As	Mẫu/sample	9	4	36	
12	Cd	Mẫu/sample	9	4	36	
13	Pb	Mẫu/sample	9	4	36	
14	Cu	Mẫu/sample	9	4	36	
15	Fe	Mẫu/sample	9	4	36	
16	Hg	Mẫu/sample	9	4	36	
17	Zn	Mẫu/sample	9	4	36	
18	Mn	Mẫu/sample	9	4	36	
19	Coliform	Mẫu/sample	9	4	36	

20	Xianua	Mẫu/sample	9	4	36	
21	Crom III	Mẫu/sample	9	4	36	
22	Crom VI	Mẫu/sample	9	4	36	
23	Tổng dầu mỡ	Mẫu/sample	9	4	36	
II	Phân tích chất lượng bùn cát đáy					
1	pH	Mẫu/sample	3	2	6	Lấy mẫu tại 3 điểm, trùng với vị trí giám sát chất lượng nước. Thực hiện 2 đợt/năm. Sampling at 3 points, coinciding with water quality monitoring location. Conducted 2 times/year.
2	As	Mẫu/sample	3	2	6	
3	Cd	Mẫu/sample	3	2	6	
4	Hg	Mẫu/sample	3	2	6	
5	Pb	Mẫu/sample	3	2	6	
6	Zn	Mẫu/sample	3	2	6	
7	Cu	Mẫu/sample	3	2	6	
8	Tổng Cr	Mẫu/sample	3	2	6	
9	Tổng Fe	Mẫu/sample	3	2	6	
10	Tổng dầu mỡ	Mẫu/sample	3	2	6	
11	Tổng hàm lượng thuốc BVTC Clo hữu cơ	Mẫu/sample	3	2	6	
12	Tổng hàm lượng thuốc BVTC Photpho hữu cơ	Mẫu/sample	3	2	6	
III	Môi trường không khí					
1	Bụi lơ lửng	Mẫu/sample	3	4	12	Lấy mẫu tại 3 điểm trong khu vực cảng và vùng lân cận. Thực hiện 4 lần/năm Sampling at 3 points in
2	CO	Mẫu/sample	3	4	12	
3	SO2	Mẫu/sample	3	4	12	
4	NO2	Mẫu/sample	3	4	12	
5	THC (CmHn)	Mẫu/sample	3	4	12	
6	Nhiệt độ	Mẫu/sample	3	4	12	
7	Độ ẩm	Mẫu/sample	3	4	12	

8	Tốc độ, hướng gió	Mẫu/sample	3	4	12	the port area and vicinity. Performed 4 times/year
9	Áp suất	Mẫu/sample	3	4	12	
10	Tiếng ồn cực đại	Mẫu/sample	3	4	12	
11	Tiếng ồn trung bình	Mẫu/sample	3	4	12	
12	Độ rung	Mẫu/sample	3	4	12	
13	Mùi	Mẫu/sample	3	4	12	
IV	Phân tích hệ thủy sinh					
1	Động vật phù du	Mẫu/sample	3	2	6	Lấy mẫu tại 3 điểm, thực hiện 2 đợt/năm.Lấy mẫu tại 3 điểm, trùng với vị trí giám sát chất lượng nước. Thực hiện 2 đợt/năm. Sampling at 3 points, 2 times/year. Sampling at 3 points, coincides with the water quality monitoring location. Conducted 2 times/year.
-	Acartia erythraea	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Caridae.sp	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Clytemnestra scutella	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Corycaeus speciosus	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Euterpina acutifront	Tế bào/lít	3	2	6	
2	Thực vật phù du	Mẫu/sample	3	2	6	
-	Bacteriastrum sp	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Dinophysis caudata	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Gymnodinium sanguineum	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Nitzschia sp	Tế bào/lít	3	2	6	
3	Động vật đáy	Mẫu/sample	3	2	6	
-	Sanguinolaria diphos	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Paphia literata	Tế bào/lít	3	2	6	
-	Strombus spp	Tế bào/lít	3	2	6	

-	Heliacus variegatus	Tế bào/lít	3	2	6	
V	Môi trường nước thải					
1	Amoni (tính theo N) NH ₄ ⁺	Mẫu/sample	2	4	8	Lấy mẫu tại 2 điểm, Nước thải sau xử lý tại trạm Xử lý nước thải và tại điểm Xả thải. Thực hiện 4 lần/năm. Sampling at 2 points, Wastewater after treatment at the Wastewater Treatment station and at the Discharge point. Conducted 4 times a year.
2	Asen (As)	Mẫu/sample	2	4	8	
3	BOD ₅ (20oC)	Mẫu/sample	2	4	8	
4	Chì (Pb)	Mẫu/sample	2	4	8	
5	COD	Mẫu/sample	2	4	8	
6	Tổng Coliform	Mẫu/sample	2	4	8	
7	Dầu mỡ động, thực vật	Mẫu/sample	2	4	8	
8	Đồng (Cu)	Mẫu/sample	2	4	8	
9	Kẽm (Zn)	Mẫu/sample	2	4	8	
10	Mangan (Mn)	Mẫu/sample	2	4	8	
11	Nitrat (NO ₃ , tính theo N)	Mẫu/sample	2	4	8	
12	pH	Mẫu/sample	2	4	8	
13	Phosphat (PO ₄ 3-) tính theo P	Mẫu/sample	2	4	8	
14	Sulfua (S ²⁻), tính theo H ₂ S	Mẫu/sample	2	4	8	
15	Sắt (Fe)	Mẫu/sample	2	4	8	
16	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu/sample	2	4	8	
17	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	Mẫu/sample	2	4	8	
18	Tổng N	Mẫu/sample	2	4	8	
19	Tổng P	Mẫu/sample	2	4	8	